CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BỆNH VIỆN XUYÊN Á – CHI NHÁNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 325/BVXAVL	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Vĩnh Long, ngày 10 tháng 09 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi:

- Lãnh đạo Cục Quản lý Khám bệnh, chữa bệnh;

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BỆNH VIỆN XUYÊN Á CHI NHÁNH VĨNH LONG.

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 229/BYT-GPHĐ, ngày cấp 10/08/2018, nơi cấp Bộ Y Tế, cấp lại ngày 15/03/2021, nơi cấp Bộ Y Tế;

Địa chỉ: Số 68E, Đường Phạm Hùng, Tổ 69, Khóm 2, Phường 9, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: **Ông BS.CKII. Nguyễn Ngọc Phương Tâm**

Điện thoại: 02706256115.

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP, ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Sản khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Tai- Mũi- Họng
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Mắt
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Gây mê hồi sức

- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Chẩn đoán hình ảnh

- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Hồi sức cấp cứu

- Y sỹ với phạm vi hành nghề Đa khoa

- Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng (theo Phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT)

- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học

- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học

- Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: (danh mục mẫu kèm theo – phụ lục)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có).

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:

STT	Đối tượng thực hành	Số lượng có thể tiếp nhận
1	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa	50
2	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa	50
3	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa	30
4	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Sản khoa	10
5	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa	20
6	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt	5
7	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Tai- Mũi-Họng	15
8	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Mắt	5
9	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Gây mê hồi sức	5
10	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Chẩn đoán hình ảnh	15
11	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Hồi sức cấp cứu	5
12	Y sỹ với phạm vi hành nghề Y sỹ Đa khoa	10
13	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng (theo Phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT)	150
14	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học	20
15	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học	10
16	Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh.	20

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:

STT	Đối tượng thực hành	Chi phí thực hành
1	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa	3.000.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 36.000.000đ/HV
2	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa	3.000.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 36.000.000đ/HV
3	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa	3.000.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 36.000.000đ/HV
4	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Sản khoa	3.000.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 36.000.000đ/HV
5	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa	3.000.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 36.000.000đ/HV
6	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt	3.000.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 36.000.000đ/HV
7	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Tai- Mũi-Họng	3.000.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 36.000.000đ/HV
8	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Mắt	3.000.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 36.000.000đ/HV
9	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Gây mê hồi sức	3.000.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 36.000.000đ/HV
10	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Chẩn đoán hình ảnh	3.000.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 36.000.000đ/HV
11	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Hồi sức cấp cứu	3.000.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 36.000.000đ/HV
12	Y sỹ với phạm vi hành nghề Y sỹ Đa khoa	3.000.000đ/tháng/1HV x 9 tháng = 27.000.000đ/HV
13	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng	3.000.000đ/tháng/1HV x 6 tháng = 18.000.000đ/HV
14	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học	3.000.000đ/tháng/1HV x 6 tháng = 18.000.000đ/HV
15	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học	3.000.000đ/tháng/1HV x 6 tháng = 18.000.000đ/HV
16	Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh.	3.000.000đ/tháng/1HV x 6 tháng = 18.000.000đ/HV

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bệnh Viện Xuyên Á- Chi nhánh Vĩnh Long cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Lãnh đạo Bộ Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC CHUYÊN MÔN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BỆNH VIỆN XUYÊN Á CHI NHÁNH VĨNH LONG

BS.CKII. NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TÂM

BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BỆNH VIỆN XUYÊN Á – CHI NHÁNH VĨNH LONG	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Vĩnh Long, ngày 10 tháng 09 năm 2024

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BỆNH VIỆN XUYÊN Á – CHI NHÁNH VĨNH LONG

(Ban hành kèm theo Bản công bố số 325/BVXAVL ngày 10 tháng 09 năm 2024 của Giám đốc chuyên môn Bệnh Viện Đa Khoa Xuyên Á Vĩnh Long về việc công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành)

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ thông tư 30/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Bệnh Viện đa Khoa Xuyên Á –Vĩnh Long lập kế hoạch đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với các học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe như sau:

I/ Mục đích, yêu cầu:

1. MỤC TIÊU

1.1 Mục tiêu chung:

Học viên sau quá trình thực hành sẽ có khả năng thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh và kê đơn thuốc một cách chủ động, an toàn, hiệu quả cho người bệnh.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh.

II/ PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi triển khai:

Các khoa lâm sàng, cận lâm sàng tại Bệnh viện Đa Khoa Xuyên Á Vĩnh Long

2. Thời gian thực hiện:

Cả năm

3. Đối tượng:

Học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe chưa trải qua thời gian thực hành có nhu cầu thực hành để cấp Giấy phép hành nghề.

Bác sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y có Chứng chỉ hành nghề (Giấy phép hành nghề) và có nhu cầu điều chỉnh văn bằng chuyên môn hoặc phạm vi hành nghề.

III/ NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Hướng dẫn về các văn bản quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh:

1.1 Nội dung: (mỗi nội dung 2-4 giờ)

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;

- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;

- An toàn người bệnh;

- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

- Quy chế tổ chức, quản lý Bệnh viện.

1.2 Hình thức:

Lồng ghép trong quá trình thực hành lâm sàng.

2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng

2.1 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là bác sỹ Y khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 3 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 3 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng (trong đó thực hành tại khoa Nội: 2 tháng (chọn 1 trong 3 khoa: Nội Tổng quát, Nội tim mạch-Can thiệp tim mạch- Nội tiết, Nội Thần kinh), khoa Ngoại: 2 tháng (chọn 1 trong 4 khoa: Ngoại tổng quát, Chấn thương chỉnh hình, Ngoại Thần kinh, Ngoại Tiết niệu), khoa Nhi: 2

tháng, khoa Sản: 2 tháng, khoa Liên chuyên khoa (Răng Hàm Mặt- Mắt- Tai Mũi Họng):1 tháng) .

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.

- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.2 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Nội Khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 3 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 3 tháng).

Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng (chọn 1 trong các chuyên khoa: Nội Tổng quát, Nội tim mạch-Can thiệp tim mạch- Nội tiết, Nội Thần kinh, Nội Hô hấp, Nội thận – Lọc máu ngoài thận,…..)

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội.

- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V và mục II phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.3 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Ngoại khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 3 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 3 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Ngoại (chọn 1 trong các chuyên khoa: Ngoại tổng hợp, Ngoại chấn thương, Ngoại thần kinh, Ngoại Tiết niệu,….)

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại

- Danh mục kỹ thuật trong Phụ lục V và mục XIX phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.4 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Sản khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 3 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 3 tháng)

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Sản.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản.

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục III phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.5 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Nhi khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 3 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 3 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Nhi.

b. Nội dung thực hành:

Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi

Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục III phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.6 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Răng Hàm Mặt:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 3 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 3 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Răng Hàm Mặt là 9 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (Mắt - Tai Mũi Họng - Răng hàng mặt)

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt.

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.7 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Tai Mũi Họng:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 3 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 3 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về Tai Mũi Họng là 9 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (Răng Hàm Mặt – Mắt- Tai Mũi Họng)

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục XIV phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.8 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Mắt:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 3 tháng hoặc thực thực hành tại khoa Cấp cứu: 3 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (Răng Hàm Mặt- Mắt- Tai Mũi Họng) hoặc khoa Mắt.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt.

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục XIII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.9 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Gây mê hồi sức

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 3 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 3 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Gây mê hồi sức.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức.

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục VIII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.10 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Chẩn đoán hình ảnh

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 3 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 3 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Chẩn đoán hình ảnh.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục XVI phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.11 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Hồi sức cấp cứu

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 3 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 3 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng: trong đó thực hành 9 tháng tại khoa Hồi sức tích cực hoặc thực hành 9 tháng tại khoa Cấp Cứu.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu.

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và Phụ lục IX phần nội khoa và Hồi sức cấp cứu, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.12 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Y sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Y sỹ đa khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 3 tháng hoặc tại khoa Cấp cứu: 3 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 6 tháng (trong đó thực hành tại khoa Nội: 3 tháng (chọn 1 trong các chuyên khoa: Nội Tổng quát, Nội tim mạch-Can thiệp tim mạch- Nội tiết, Nội Thần kinh, Hô hấp,….), khoa Ngoại: 3 tháng (chọn 1 trong các chuyên khoa: Ngoại tổng quát, Chấn thương chỉnh hình, Ngoại Thần kinh, Ngoại Tiết niệu,….)

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục X Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.13 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Điều dưỡng đa khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 1 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 1 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng (trong đó chọn 1 trong các khoa để thực hành thuộc hệ Nội, Ngoại, Nhi,…)

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong mục I, II phụ lục XII, Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.15 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Xét nghiệm y học:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 1 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 1 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Xét nghiệm.

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong mục II phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.16 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Kỹ Thuật Viên Chẩn Đoán Hình Ảnh:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 1 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 1 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Chẩn Đoán Hình Ảnh.

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong mục I phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.17 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Hộ sinh:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực: 1 tháng hoặc thực hành tại khoa Cấp cứu: 1 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Sản phụ khoa.

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong phụ lục XIII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Người chịu trách nhiệm đào tạo: Giám đốc chuyên môn

- Chịu trách nhiệm trong toàn bộ quá trình đào tạo và kết quả đào tạo tại Bệnh viện (trách nhiệm chung).

- Phê duyệt kế hoạch đào tạo và chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định.

2. Phòng Kế hoạch tổng hợp

- Xây dựng kế hoạch đào tạo thực hành trình Lãnh đạo bệnh viện phê duyệt. Phối hợp các trưởng/ phó khoa liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể cho khóa đào tạo.

- Lập danh sách học viên đăng ký thực hành tại Bệnh viện và người hướng dẫn thực hành tại Bệnh viện.

- Thực hiện thủ tục xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo mẫu 07 Phụ lục I của Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

3. Phòng Quản lý chất lượng:

- Đăng tải công khai Kế hoạch hướng dẫn thực hành trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện.

4. Các khoa, phòng chịu trách nhiệm đào tạo tại khoa: Các trưởng, phó khoa liên quan.

- Tổ chức đào tạo và đánh giá đào tạo tại khoa.

- Trực tiếp tham gia hướng dẫn cho học viên.

- Đánh giá mức độ hoàn thành của học viên.

5. Nhiệm vụ của học viên

- Tham gia thực hành đủ thời gian như quy định.

- Nghiêm túc tuân thủ các quy định của Bệnh viện, học tập, thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của người được phân công phụ trách hướng dẫn thực hành.

- Chủ động, tích cực học tập, thực hành theo chương trình đào tạo để đạt các chuẩn năng lực theo quy định.

- Tích cực đưa ý kiến phản hồi để hoàn thiện kỹ năng.

Trên đây là kế hoạch đào tạo thực hành lâm sàng khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa Khoa Xuyên Á – Vĩnh Long./.

Nơi nhận:
- *Cục QL KCB*
- *Khoa, phòng*
- *Lưu VT, HCQT*

GIÁM ĐỐC CHUYÊN MÔN

M.S.C.N: 0310072314-001-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BỆNH VIỆN XUYÊN Á CHI NHÁNH VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

BS.CKII. NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TÂM

BỘ Y TẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BỆNH VIỆN XUYÊN Á – CHI NHÁNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 10 tháng 09 năm 2024

PHỤ LỤC

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Bản công bố số 325/BVXAVL ngày 10 tháng 09 năm 2024 của Giám đốc chuyên môn Bệnh Viện Đa Khoa Xuyên Á- Vĩnh Long về việc công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành)

❖ Danh sách Bác sĩ hướng dẫn thực hành

Stt	Họ và tên người hướng dẫn thực hành	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Phương Tâm	Bác sĩ chuyên khoa cấp II - Ngoại tiết niệu	014322/HCM-CCHN 250/QĐ-SYT	23/12/2013 31/03/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại niệu	Ngoại Khoa	
2	Nguyễn Kim Tưởng	Thạc sĩ - Tai Mũi Họng Chuyên khoa II - Quản lý y tế	0029045/HCM-CCHN	27/03/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Tai Mũi Họng	
3	Đỗ Minh Mẫn	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Nội khoa	000316/VL-CCHN	10/7/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Chuyên khoa Nội	
4	Lê Hoàng Ngợi	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Hồi sức cấp cứu	0002051/TG-CCHN	20/3/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Chuyên khoa Nội	
5	Huỳnh Thị Xuân Mai	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Da liễu	000721/TG-CCHN	25/3/20132 5/12/2015	Chuyên khoa Nội tổng hợp Chuyên khoa Da liễu - Y học gia đình	Chuyên khoa Nội Chuyên khoa Da liễu - Y học gia đình	
6	Đoàn Nhật Trung	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Bác sĩ gia đình	0026887/HCM-CCHN	5/11/2014 1432/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Bác sĩ gia đình	Chuyên khoa Nội, Bác sĩ gia đình	
7	Tống Minh Nhựt	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Nội khoa	000303/HAUG-CCHN	27/2/2013	Chuyên khoa Nội	Chuyên khoa Nội	

8	Nguyễn Thị Ngàn	Bác sĩ nội trú chuyên khoa cấp I - Truyền nhiễm	035370/HCM-CCHN	25/1/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Chuyên khoa Nội	
9	Võ Minh Bình	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Nội khoa	0002588/CM-CCHN	22/6/2015	Khám chữa bệnh Nội khoa	Chuyên khoa Nội	
10	Lữ Hữu Tuấn	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Thần kinh	000431/TG-CCHN 799/QĐ-SYT	24/12/2012 31/7/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội thần kinh	Chuyên khoa Nội Chuyên khoa Nội thần kinh	
11	Lâm Huỳnh Hải Ngân	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Thần kinh	0025843/HCM-CCHN	20/10/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội thần kinh	Chuyên khoa Nội, Nội thần kinh	
12	Lê Công Thịnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Thần kinh	005308/CT-CCHN	12/4/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội thần kinh	Chuyên khoa Nội	
13	Nguyễn Văn Bé Ba	Bác sĩ chuyên khoa I - Nội khoa	000722/VL-CCHN	3/4/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Chuyên khoa Nội	
14	Nguyễn Văn Quốc Cường	Bác sĩ Chuyên khoa cấp I - Nội khoa	0004391/BTR-CCHN	18/1/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Nội khoa	Chuyên khoa Nội	
15	Nguyễn Thị Dao Chi	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Nội tiết	000110/VL-CCHN	10/5/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Chuyên khoa Nội	
16	Trần Minh Luân	Bác sĩ Y đa khoa	0002776/ĐT-CCHN	4/7/2014	Khám bệnh,chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	Chuyên khoa Nội	
17	Hà Bửu Kiếm	Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp II - Ngoại, Lồng ngực	003648/BYT-CCHN 1091/QĐ-SYT	5/3/2013 28/8/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Lồng ngực	Chuyên khoa Ngoại Lồng ngực	
18	Lê Tòng Bá	Bác sĩ chuyên khoa II - Ngoại khoa	001425/CT-CCHN	10/9/2013	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa Ngoại tổng quát	Chuyên khoa Ngoại	
19	Lê Quốc Toàn	Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Ngoại khoa	0003860/VL-CCHN	24/12/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Chuyên khoa Ngoại	
20	Nguyễn Hà Đăng Khoa	Bác sĩ chuyên khoa I - Ngoại Khoa	005008/CT-CCHN	6/10/2017	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại khoa	Chuyên khoa Ngoại	

21	Mai Hoàng Khoa	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Ngoại tiết niệu	000784/VL-CCHN 574/QĐ-SYT	17/6/2013 16/5/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại - Tiết niệu	Chuyên khoa Ngoại Chuyên khoa Ngoại – tiết niệu	
22	Lê Minh	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Ngoại niệu	000785/VL-CCHN	17/6/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại - Tiết niệu	Chuyên khoa Ngoại – tiết niệu	
23	Phạm Văn Thắng	Bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp I - Chấn thương chỉnh hình	007814/ĐNA-CCHN	7/12/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chấn thương chỉnh hình	Chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	
24	Nguyễn Thanh Tùng	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Chấn thương chỉnh hình	000866/VL-CCHNU 537/QĐ-SYT	5/10/2013 1/4/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	Chuyên khoa ngoại chấn thương, bỏng	
25	Nguyễn Đông Nhựt	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Ung thư	000868/VL-CCHN 2699/QĐ-SYT	5/10/2013 25/12/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Ung thư	Chuyên khoa Ngoại, Ung thư	
26	Trần Văn Hùng	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Sản	000154/CT-CCHN	18/6/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Chuyên khoa Sản	
27	Đỗ Phạm Trường Long	Bác sĩ Y đa khoa/ Định hướng chuyên khoa Phụ sản	004526/KG-CCHN	14/10/2016	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Phụ-KHHGĐ	Chuyên khoa Sản	
28	Cao Thị Thanh Trà	Bác sĩ Y đa khoa/ Định hướng chuyên khoa Phụ sản	008620/ĐL-CCHN	12/04/2019	Khám và điều trị bệnh sản phụ khoa	Chuyên khoa Sản	
29	Lê Thị Ngọc Huyền	Bác sĩ đa khoa/ Định hướng chuyên khoa Phụ sản	004530/CM-CCHN	02/05/2019	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Sản phụ khoa	Chuyên khoa Sản	
30	Trần Thị Thùy Linh	Bác sĩ chuyên khoa I - Ngoại khoa	000291/LA-CCHN 566/QĐ-SYT	10/8/2012 13/7/2018	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa Khám bệnh, chữa bệnh sản phụ khoa	Chuyên khoa Sản	
31	Trần Đăng Khoa	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Nhi khoa	0002146/BL-CCHN	18/10/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Chuyên khoa Nhi	
32	Phạm Nguyễn Anh Toàn	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Nhi khoa	0002126/VL-CCHN	8/8/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Chuyên khoa Nhi	
33	Hà Thanh Hiếu	Thạc sĩ, Bác sĩ nội trú chuyên khoa cấp I - Nhi	006847/CT-CCHN	1/2/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Chuyên khoa Nhi	

34	Võ Thị Xuân Hương	Thạc sĩ, Bác sĩ nội trú chuyên khoa cấp I - Nhi khoa	0003433/VL-CCHN	25/12/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Chuyên khoa Nhi	
35	Nguyễn Thị Kim Cúc	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Gây mê hồi sức	6297/ĐT-CCHN	9/5/2018	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa hoặc khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	
36	Tạ Chí Công	Bác sĩ Y đa khoa	004050/CM-CCHN	11/4/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Chuyên khoa Nội	
37	Cao Thanh Hà	Bác sĩ Y khoa	048145/HCM-CCHN	25/3/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Chuyên khoa Nội	
38	Nguyễn Phước Đại	Bác sĩ chuyên khoa Cấp I - Nội Khoa	0004499/BTR-CCHN	12/4/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên nội khoa	Chuyên khoa Nội	
39	Nguyễn Vân Anh	Bác sĩ chuyên khoa I - Nội khoa	0009698/ĐNAI-CCHN	15/3/2016	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, không làm thủ tục chuyên khoa	Chuyên khoa Nội	
40	Trương Văn Thống	Bác sĩ chuyên khoa cấp II - Tai Mũi Họng	003165/CM-CCHN	11/8/2016	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Chuyên khoa Tai Mũi Họng	
41	Phan Đình Vĩnh San	Bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp I - Tai Mũi Họng	003891/CT-CCHN	15/9/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Tai Mũi Họng	Chuyên khoa Tai Mũi Họng	
42	Võ Duy Tân	Bác sĩ Chuyên khoa cấp I - Tai Mũi Họng	003357/CT-CCHN	7/1/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Tai Mũi Họng	Tai Mũi Họng	
43	Trần Ngọc Nam Phương	Bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp I - Tai Mũi Họng	0003458/VL-CCHN	25/12/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Chuyên khoa Tai Mũi Họng	
44	Triệu Thượng Quang	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Răng Hàm Mặt	002499/ST-CCHN	5/2/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Chuyên khoa Răng Hàm Mặt	
45	Mai Thị Bích Nhàn	Bác sĩ chuyên khoa cấp II - Nhãn khoa	004402/BYT-CCHN	8/5/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Chuyên khoa Mắt	
46	Trần Hoàng Nhã	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Chẩn đoán hình ảnh	000003/VL-CCHN	12/4/2012	Phòng khám chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	
47	Trần Thị Bé Năm	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Chẩn đoán hình ảnh	000995/VL-CCHN	25/2/2014	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	

48	Nguyễn Văn Dũng	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Chẩn đoán hình ảnh	0001201/TNI-CCHN 1894/QĐ-SYT	11/11/2013 18/7/2016	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	
49	Nguyễn Trọng Tường	Bác sĩ chuyên khoa cấp I - Nội khoa	000312/VL-CCHN 4766/QĐ-SYT	10/7/2012 31/10/2016	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Chẩn đoán hình ảnh: Siêu âm tổng quát, Nội soi dạ dày tá tràng, Nội soi đại tràng	Chuyên khoa Nội, Chẩn đoán hình ảnh: Siêu âm tổng quát, Nội soi dạ dày tá tràng, Nội soi đại tràng	

❖ Danh sách Điều dưỡng, Kỹ thuật viên, Hộ sinh hướng dẫn thực hành:

Stt	Họ và tên người hướng dẫn thực hành	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Ngày cấp CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Chuyên khoa hướng dẫn thực hành	Ghi chú
1	Đinh Thị Thanh Thúy	Cử nhân điều dưỡng	002416/AG-CCHN	13/08/2013	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
2	Huỳnh Thị Như Ý	Cử nhân điều dưỡng	046042/HCM-CCHN	19/8/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
3	Đoàn Dương Linh	Cao đẳng điều dưỡng	6523/ĐT-CCHN	12/9/2018	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
4	Dương Nhựt Tảo	Cao đẳng Điều dưỡng	044772/HCM-CCHN	11/4/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
5	Cao Hoài Phúc	Cao đẳng điều dưỡng	6453/ĐT-CCHN	8/8/2018	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
6	Nguyễn Thị Kiều Duyên	Cao đẳng điều dưỡng	045337/HCM-CCHN	14/6/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
7	Võ Thị Diễm Trinh	Cao đẳng điều dưỡng	045318/HCM-CCHN	7/6/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	

8	Đặng Thị Ngọc Huế	Cao đẳng điều dưỡng	045338/HCM-CCHN	14/6/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
9	Phạm Thị Hồng Thắm	Cử nhân điều dưỡng	0003746/VL-CCHN	12/10/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
10	Mai Lê Kim Tuyền	Cử nhân điều dưỡng	0003822/VL-CCHN	9/12/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
11	Huỳnh Phạm Cẩm Duyên	Cử nhân điều dưỡng	0003778/VL-CCHN	4/11/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
12	Vũ Thị Thúy	Cử nhân điều dưỡng	0003796/VL-CCHN	22/11/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
13	Đặng Thị Hồng Nhung	Cử nhân điều dưỡng	0003800/VL-CCHN	22/11/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
14	Võ Thị Kim Diệu	Cử nhân điều dưỡng	0003856/VL-CCHN	24/12/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
15	Trần Thị Kim Đồng	Cử nhân điều dưỡng	0003795/VL-CCHN	22/11/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
16	Nguyễn Phước Dư	Cử nhân điều dưỡng	0004398/VL-CCHN	20/1/2021	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
17	Tăng Thị Xuân Duyên	Cử nhân điều dưỡng	002579/TV-CCHN	22/8/2017	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
18	Trần Thị Ngọc Nữ	Cử nhân điều dưỡng	0003794/VL-CCHN	22/11/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
19	Thạch Thị Nghênh	Cử nhân điều dưỡng	0003798/VL-CCHN	22/11/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	

20	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Cử nhân điều dưỡng	005286/ĐT-CCHN	5/1/2017	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
21	Lâm Văn Thiện	Cao đẳng điều dưỡng	002085/TV-CCHN	12/10/2017	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
22	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	Cao đẳng Điều dưỡng	036970/HCM-CCHN	8/2/2018	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
23	Nguyễn Thanh Vũ	Cử nhân điều dưỡng	0003799/VL-CCHN	22/11/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
24	Nguyễn Thị Lệ Xuân	Cử nhân điều dưỡng	0003797/VL-CCHN	22/11/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
25	Trần Thị Mỹ Diệu	Cao đẳng điều dưỡng	5699/ĐT-CCHN	24/8/2017	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
26	Trần Lê Ngọc Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	0003614/VL-CCHN	6/6/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
27	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Cao đẳng điều dưỡng	045206/HCM-CCHN	3/6/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
28	Võ Thị Kim Thoa	Cử nhân hộ sinh	000210/VL-CCHN	10/6/2012	Thực hiện các kỹ thuật phức tạp thuộc chuyên khoa phụ sản và sơ sinh tại cơ sở y tế	Hướng dẫn Cử nhân Hộ sinh	
29	Trần Thị Ngọc Trâm	Cử nhân điều dưỡng	045297/HCM-CCHN	7/6/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
30	Nguyễn Thị Kiều Lan	Cao đẳng điều dưỡng	6381/ĐT-CCHN	2/7/2018	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
31	Ngô Thị Thu Hiền	Cao đẳng điều dưỡng	6358/ĐT-CCHN	11/6/2018	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	

32	Nguyễn Tấn Phong	Cao đẳng điều dưỡng	6238/ĐT-CCHN	15/3/2018	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
33	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Cao đẳng điều dưỡng	6267/ĐT-CCHN	21/3/2018	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
34	Trần Lê Hải Quân	Cao đẳng điều dưỡng	5771/ĐT-CCHN	14/9/2017	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
35	Nguyễn Quí Thái	Cao đẳng điều dưỡng	0003854/VL-CCHN	24/12/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
36	Trần Đỗ Hồng Như	Cao đẳng điều dưỡng	0003803/VL-CCHN	22/11/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
37	Lê Thị Trúc Linh	Cao đẳng điều dưỡng	0003855/VL-CCHN	24/12/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	
38	Vũ Đình Sang	Cử nhân điều dưỡng GMHS	0003600/VL-CCHN	6/6/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng GMHS	
39	Trương Thị Hạnh	Cao đẳng điều dưỡng GMHS	007357/ĐL-CCHN	19/05/2017	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng GMHS	
40	Trịnh Hồng Anh	Cử nhân điều dưỡng	0004399/VL-CCHN	20/1/2021	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
41	Bùi Vủ Linh	Cử nhân điều dưỡng	0004363/VL-CCHN	18/12/2020	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
42	Ngô Thị Diễm Sương	Cử nhân điều dưỡng	0004380/VL-CCHN	20/1/2021	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
43	Lê Thị Tâm	Cử nhân Điều dưỡng	0003944/VL-CCHN	28/4/2020	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	

44	Trần Thị Thúy Hằng	Cử nhân điều dưỡng	0003714/VL-CCHN	7/9/2019	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
45	Lê Minh Cách	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh	000001/VL-CCHN	12/4/2012	Kỹ thuật phòng khám chẩn đoán hình ảnh	Hướng dẫn Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh	
46 -	Nguyễn Hữu Tú	Cử nhân Kỹ thuật Y học	0004708/BTR-CCHN	24/8/2017	Chuyên chẩn đoán hình ảnh	Hướng dẫn Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	
47	Trần Tấn Phát	Cử nhân xét nghiệm	004752/LA-CCHN	18/5/2016	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Hướng dẫn Cử nhân xét nghiệm	
48	Lê Hiền Khả Thông	Cử nhân xét nghiệm Y học	040223/HCM-CCHN	27/7/2017	Chuyên khoa xét nghiệm	Hướng dẫn Cử nhân xét nghiệm	
49	Lê Thị Mộng Trinh	Cử nhân xét nghiệm Y học	004392/TG-CCHN	4/8/2017	Chuyên khoa xét nghiệm	Hướng dẫn Cử nhân xét nghiệm	
50	Nguyễn Diệp Khanh	Cử nhân xét nghiệm y học	0003671/VL-CCHN	24/7/2019	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Hướng dẫn Cử nhân xét nghiệm	
51	Nguyễn Xuân Trúc	Cử nhân xét nghiệm y học	044875/HCM-CCHN	24/4/2019	Chuyên khoa xét nghiệm	Hướng dẫn Cử nhân xét nghiệm	
52	Lê Ngân Giang	Cử nhân xét nghiệm y học	044858/HCM-CCHN	24/4/2019	Chuyên khoa xét nghiệm	Hướng dẫn Cử nhân xét nghiệm	
53	Lê Thị Huỳnh Như	Cử nhân xét nghiệm y học	0003658/VL-CCHN	24/7/2019	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Hướng dẫn Cử nhân xét nghiệm	
54	Hồ Thị Bé Ngoan	Cử nhân xét nghiệm y học	000525/TV-CCHN	12/9/2017	Thực hiện các xét nghiệm cơ bản	Hướng dẫn Cử nhân xét nghiệm	
55	Lê Thị Xuân Mai	Cử nhân xét nghiệm y học	004742/TG-CCHN	8/6/2018	Chuyên khoa xét nghiệm	Hướng dẫn Cử nhân xét nghiệm	
56	Trần Lan Anh	Cử nhân Xét ngiệm y học	0004151/VL-CCHN	17/7/2020	Chuyên khoa xét nghiệm	Hướng dẫn Cử nhân xét nghiệm	
57	Huỳnh Hữu Nghĩa	Cử nhân Xét nghiệm Y học	003619/TV-CCHN	18/4/2019	Chuyên khoa xét nghiệm	Hướng dẫn Cử nhân xét nghiệm	

58	Trần Thị Phương Thắm	Cử nhân Điều dưỡng	0004174/VL-CCHN	25/8/2020	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
59	Nguyễn Thị Mộng Linh	Cử nhân điều dưỡng	0003952/BTR-CCHN	13/5/2016	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
60	Đặng Tài	Cử nhân điều dưỡng	001579/BTR-CCHN	15/4/2014	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005	Hướng dẫn Cử nhân Điều dưỡng	
61	Bùi Chí Thanh	Cao đẳng điều dưỡng	6562/ĐT-CCHN	28/09/2018	Thực hiện theo TTLT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015	Hướng dẫn Cao đẳng Điều dưỡng	

Danh sách người hướng dẫn thực hành sẽ được cập nhật, bổ sung trong quá trình thực tế triển khai.

GIÁM ĐỐC CHUYÊN MÔN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BỆNH VIỆN XUYÊN Á CHI NHÁNH VĨNH LONG

BS.CKII. NGUYỄN NỌC PHƯƠNG TÂM